

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2017

Số: 830 /QLCL-CL1

V/v cập nhật danh sách xuất khẩu  
vào Trung Quốc

Kính gửi:

- Các Trung tâm Chất lượng NLTS vùng;
- Các cơ sở chế biến, xuất khẩu thủy sản được cập nhật danh sách.

Theo đề nghị của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, ngày 17/5/2017, Cục Quản lý Chứng nhận và Công nhận (CNCA) – Tổng cục Giám sát Chất lượng, Thanh tra và Kiểm dịch Trung Quốc đã cập nhật danh sách các cơ sở chế biến thủy sản của Việt Nam được phép xuất khẩu vào Trung Quốc (tại địa chỉ website: <http://www.cnca.gov.cn/bsdt/ywzl/jkspjwscpqzc/>). Theo đó, CNCA đã đưa tên **04 cơ sở** đóng gói thủy sản sống trở lại Danh sách các cơ sở chế biến thủy sản của Việt Nam được phép xuất khẩu vào Trung Quốc (gồm các cơ sở có mã số: 79-004-NL, SG/003NL, TS 630, TS 631), đồng thời CNCA cũng đã bổ sung **06 cơ sở** đóng gói thủy sản sống khác của Việt Nam vào danh sách (gồm các cơ sở có mã số: TS 578, TS 635, TS 636, TS 637, TS 639, TS 823).

Do đó, Cục thông báo và yêu cầu các đơn vị như sau:

1. Đối với 10 cơ sở thủy sản sống có mã số nêu trên:

- Được phép xuất khẩu thủy sản vào Trung Quốc kể từ ngày ban hành công văn này.

- Nghiên cứu hướng dẫn của Cục tại công văn số 2081/QLCL-CL1 ngày 07/11/2013 (gửi kèm) để tuân thủ đúng các quy định của Trung Quốc khi xuất khẩu thủy sản sống vào thị trường này. Ngoài ra, các cơ sở cần chủ động liên hệ với nhà nhập khẩu để tránh vướng mắc khi xuất khẩu thủy sản sống vào Trung Quốc (nếu có).

2. Các Trung tâm vùng:

- Cập nhật danh sách cơ sở được phép xuất khẩu vào Trung Quốc; chuyển tiếp công văn này cho các cơ sở liên quan trên địa bàn;

- Kiểm tra, cấp chứng thư cho các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Trung Quốc đối với các doanh nghiệp có tên trong danh sách theo đúng quy định.

Yêu cầu các đơn vị lưu ý thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Cơ quan Chất lượng Trung Bộ, Nam Bộ;
- Hiệp hội VASEP;
- Lưu: VT, CL1.

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Ngô Hồng Phong

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2013

Số: 2081/QLCL-CL1

V/v chứng nhận thủy sản sống  
xuất khẩu vào Trung Quốc

Kính gửi:

- Các cơ sở CBTS xuất khẩu vào Trung Quốc;
- Các Trung tâm Chất lượng NLTS vùng 1-6.

Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (NAFIQAD) nhận được văn bản ngày 04/11/2013 của Tổng cục Giám sát Chất lượng, Thanh tra và Kiểm dịch Trung Quốc (AQSIQ) thông báo về việc chấp thuận mẫu chứng thư cho các lô hàng thủy sản sống và danh sách các cơ sở nuôi, bao gói tôm sú sống của Việt Nam xuất khẩu vào Trung Quốc. Về việc này, Cục thông báo và hướng dẫn các đơn vị như sau:

1. Các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu vào Trung Quốc:

- Cung cấp đầy đủ thông tin về cơ sở nuôi (*tên, địa chỉ và mã số - nếu có*) hoặc địa chỉ khu vực khai thác (*gồm tên đơn vị hành chính cấp huyện và cấp tỉnh*) khi đăng ký kiểm tra, chứng nhận lô hàng thủy sản sống xuất khẩu vào Trung Quốc tại các Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng thuộc Cục để phục vụ cho việc cấp chứng thư cho lô hàng.

- Trường hợp xuất khẩu thủy sản sống có nguồn gốc từ nuôi trồng vào Trung Quốc: Cơ sở cần khẩn trương làm việc với các cơ sở nuôi để nghị đăng ký với cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tại địa phương để được cấp mã số cho các cơ sở nuôi (nếu cơ sở nuôi chưa có mã số) theo đúng yêu cầu của Trung Quốc (*trước mắt, Cục sẽ có văn bản đề nghị phía Trung Quốc tạm thời cho phép nhập khẩu các lô hàng thủy sản sống (trừ tôm sú) chưa có thông tin mã số cơ sở nuôi*).

2. Các Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng:

2.1. Phổ biến công văn này tới các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu vào Trung Quốc trên địa bàn phụ trách.

2.2. Thực hiện kiểm tra, cấp chứng thư cho các lô hàng thủy sản sống (bao gồm cả các lô hàng tôm sú sống) xuất khẩu vào Trung Quốc theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT. Trong đó lưu ý:

- Sử dụng mẫu chứng thư mới tại Phụ lục 1 kèm theo để cấp cho các lô hàng thủy sản sống xuất khẩu vào Trung Quốc. Một số lưu ý khi cấp chứng thư được nêu tại Phụ lục 2 kèm theo.

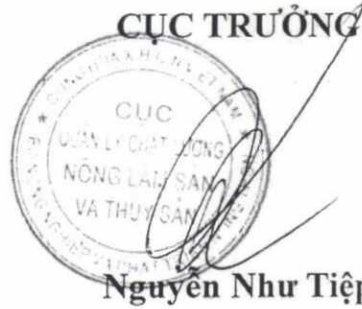
- Khi lấy mẫu kiểm nghiệm chỉ tiêu vi sinh, Trung tâm vùng lưu ý chỉ định kiểm tra các chỉ tiêu: *E. coli* (O157), *Salmonella*, *Vibrio parahaemolyticus*, *Listeria monocytogenes*, *Vibrio cholerae* (O1, O139) theo nội dung tại mục II.5 của mẫu chứng thư (mức giới hạn của Trung Quốc là “không phát hiện”).

Yêu cầu các đơn vị lưu ý thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị gửi văn bản về Cục để được hướng dẫn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PCT. Trần Bích Nga;
- Cơ quan Chất lượng Trung bộ, Nam bộ;
- VASEP (để thông báo tới thành viên);
- Lưu: VT, CL1.

**CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Như Tiệp**



Phụ lục 1:



MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT - SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
NATIONAL AGRO-FORESTRY-FISHERIES QUALITY ASSURANCE DEPARTMENT  
BRANCH ...

越南社会主义共和国农业与农村发展部(MARD)国家农林渔业产品质量保证司(NAFIQAD)...分局

Address/ 地址: \_\_\_\_\_  
Tel/ 电话: \_\_\_\_\_ Fax/ 传真: \_\_\_\_\_ E-mail / 电子邮箱: \_\_\_\_\_

LIVE AQUATIC ANIMAL FOR HUMAN CONSUMPTION  
QUARANTINE / HEALTH CERTIFICATE  
食用水生动物检疫 / 卫生证书

Reference No. .... / 第.....号

I. General information / 综合信息

1. Name and Address of Consignor / 发货人名称及地址: .....
- .....
2. Name and Address of Consignee / 收货人名称及地址: .....
- .....
3. Description of goods / 产品说明: .....
4. Scientific name / 动物学名: .....
5. Name, address and registration number of farm / 养殖场名称, 地址和注册号: .....
- .....
- Or/或者
- Caught area / 捕捞区域: .....
6. Name, address and approval number of the establishment or packing house / 包装企业名称、地址和登记号码: .....
- .....
7. Weight Declared (kg) / 报验重量 (公斤): .....
8. Type of packages / 包装类型: .....
9. Number of packages / 包装数量: .....
10. Place of Dispatch (Port) / 启运地 (港口): .....
11. Place of Destination (Port) / 收货地 (港口): .....
12. Means of Conveyance / 运输工具: .....
13. Container No.: ..... / 第.....号集装箱
14. Seal No.: ..... / 第.....号封印
15. Date of Dispatch / 发货日期: .....

## II. Health attestation/卫生认证

The official inspector hereby certify thatthe live aquatic animals specified: / 主管当局兹证明:

1. Wild caught or come from farm approved by competent authority and monitored for relevant aquatic animal diseases according to OIE / 上述水生动物来自野生捕捞或来自主管当局注册的养殖场，并按照 OIE 有关要求经过了有关水生动物疫病的监测。
2. Are free from any clinical signs or symptoms of infectious or contagious diseases, pathogenic bacteria / 无动物传染病和致病微生物的临床症状。
3. If applicable, the certain marine biotoxins content not exceeds the maximum limits of China / 如适用，海洋生物毒素含量未超过中国的最大限量要求。
4. To the best of the official inspector's knowledge / 根据官方检查官掌握的最好知识。
  - a) That these animals have not been subject to any hormonal treatment / 上述水生动物没有使用过激素。
  - b) That these animals contain no prohibited chemicals / 上述动物不含任何违禁化学物。
  - c) That the concentration of veterinary drugs and chemical contaminants in the tissues of these animals are not exceeded the maximum limits of China / 上述水生动物组织中含有的兽药和化学污染物没有超过中国的最高残留限量要求。
  - d) Addition: shrimp/prawn originated from farm monitored by competent authorities for IHNV / 其他：经过了主管当局证明的检测，虾/大虾产地从无感染 IHNV 的养殖场。
5. Have been sampled for random testing prior to export and not detected *E. coli* (O157), *Salmonella*, *Vibrio parahaemolyticus*, *Listeria monocytogenes*, *Vibrio cholerae* (O1, O139) / 输出前抽样检测未发现大肠杆菌 (O157)，致病性沙门氏菌，副溶血弧菌，单增季斯特菌，霍乱弧菌 (O1, O139) 等致病微生物。
6. The aquatic animals meet sanitary requirements and fit for human consumption / 上述水生动物符合兽医卫生要求，适合人类食用

Stamp/盖章

Date of issue/签发日期:

Signature/签字:

## **Phụ lục 2: Hướng dẫn ghi thông tin trên chứng thư cấp cho các lô hàng thủy sản sống xuất khẩu vào Trung Quốc**

### **1. Mục I.5 (tên, địa chỉ, mã số của cơ sở nuôi hoặc thông tin về khu vực khai thác):**

- Đối với tôm sú sống có nguồn gốc nuôi trồng: Ghi đầy đủ thông tin tên, địa chỉ, mã số của cơ sở nuôi (*danh sách các cơ sở nuôi tôm sú sống được phía Trung Quốc chấp thuận được nêu tại Phụ lục 3 kèm theo, danh sách này sẽ được Cục cập nhật, bổ sung thường xuyên và đăng tải trên website*).

- Đối với thủy sản sống khác có nguồn gốc nuôi trồng: Ghi thông tin về tên, địa chỉ cơ sở nuôi (gồm tên đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh). Trường hợp cơ sở nuôi có mã số thì ghi thêm thông tin mã số cơ sở nuôi.

- Đối với thủy sản sống có nguồn gốc khai thác:

+ Ghi là “FAO 61” nếu thủy sản khai thác ở vùng biển từ vĩ độ 15°00’N trở lên phía Bắc;

+ Ghi là “FAO 71” nếu thủy sản khai thác ở vùng biển từ vĩ độ 15°00’N trở xuống phía Nam.

+ Ghi tên đơn vị hành chính cấp huyện và cấp tỉnh nếu thủy sản được khai thác trong nội địa.

Lưu ý: Trung tâm vùng chỉ ghi thông tin phù hợp vào chứng thư, không xóa bỏ bất kỳ nội dung nào đã có sẵn trong mẫu chứng thư (*ví dụ: nếu là thủy sản khai thác thì ghi thông tin khu vực khai thác sau cụm từ “caught area” nhưng không xóa bỏ dòng chữ “name, address and registration number of farm” trong mẫu chứng thư*).

### **2. Mục I.6 (tên, địa chỉ, mã số cơ sở bao gói):**

- Đối với tôm sú sống có nguồn gốc nuôi trồng: Ghi tên, địa chỉ, mã số của cơ sở bao gói theo danh sách tại Phụ lục 3.

- Đối với thủy sản sống khác: Ghi tên, địa chỉ, mã số của cơ sở bao gói theo Danh sách cơ sở chế biến thủy sản được phép xuất khẩu vào Trung Quốc được đăng tải trên website của Cục.

### **3. Mục II (health attestation):**

Giữ nguyên các nội dung tại mục này khi cấp chứng thư cho các lô hàng thủy sản sống xuất khẩu vào Trung Quốc.